TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Thiện; bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 568/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1990; cư trú tại: Tổ I, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ I, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào năm 2020. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh thì lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng khoảng 03 tháng nay thì thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên sống chung thường xuyên cãi nhau, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, chị N đã thuê phòng trọ cùng con ra ở riêng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp

đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng; nay sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh và chị N chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Huy M, sinh ngày 31-01-2021. Hiện tại con chung đang sống chung cùng với chị N. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 01 năm 2024, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn vày hiện nay đã sống ly thân. Nay anh T xin ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Huy M, sinh ngày 31-01-2021. Hiện tại con chung đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do anh T, chị N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T, chị N.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Huy M, sinh ngày 31-01-2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Văn T, chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của anh T; biên bản lấy lời khai của chị N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D năm 2020, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của anh T, chị N và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Anh T và chị N tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh T xin ly hôn và tại bản tự khai ngày 17-01-2024, chị N đồng ý ly hôn nên chấp nhận. Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung tên là Võ Huy M, sinh ngày 31-01-2021. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận về nguyện vọng nuôi con chung của chị N, anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh Võ Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T. Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Huy M, sinh ngày 13-01-2021 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Võ Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007198 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Võ Văn T còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm N biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THA DS huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Truông Mít;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

Nguyễn Bùi Toàn